

Số: 3865/TD-PCCC-P6

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 61/PTDA ngày 19/6/2017 của Công ty TNHH Thăng Long.

Người đại diện là ông: Vương Đình Hoài

Chức danh: Giám đốc.

**CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN:**

Công trình: Khu nhà ở cao tầng tại ô đất 5B3 Khu tái định cư Đông Hội

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thăng Long

Xây dựng tại: Khu tái định cư Đông Hội, huyện Đông Anh, Tp. Hà Nội

Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng Coninco

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

1. Khoảng cách an toàn PCCC; Giao thông phục vụ cho xe chữa cháy;
2. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; chống tụ khói;
3. Giải pháp thoát nạn; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;
4. Hệ thống báo cháy tự động;
5. Hệ thống chữa cháy bằng nước;
6. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2 đến trang 3. / ✓

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thăng Long;
- Đ/c Cục trưởng (để b/c);
- Cảnh sát PC và CC thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, P6 (TG).

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2017

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Thượng tá Bùi Quang Việt

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC



STT	TÊN TÀI LIỆU BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
I. Thuyết minh và các văn bản pháp lý			
1	Thuyết minh;		
2	Quyết định số 45/2017/QĐ-TL ngày 12/5/2017 của chủ đầu tư.		
II. Các bản vẽ			
1	Bản vẽ tổng mặt bằng, kiến trúc khối nhà CT4	A.0.0; A.0.1; A.0.4; A.1.1÷A.1.13; A.2.1÷A.2.4; A.3.1÷A.3.8; A.4.1a,b,c; A.4.2a,b,c; A.4.3a÷A.4.3c; A.4.4a,b,c; A.4.5a,b,c; A.4.6a÷A.4.6c; A.4.7; A.4.9; A.11.1÷A.11.20	
2	Bản vẽ tổng mặt bằng, kiến trúc khối nhà CT1, CT2, CT3	A.00;A.0.4; A.0.5; A.1.1-P1; A.1.1-P2; A.1.2-P1; A.1.2-P2; A.1.3-P1; A.1.3-P2; A.1.4-P1; A.1.4-P2; A.1.5-P1; A.1.5-P2; A.1.6-P1; A.1.6-P2; A.1.7-P1; A.1.7-P2; A.1.8-P1; A.1.8-P2; A.1.9-P1; A.1.9-P2; A.1.10-P1; A.1.10-P2; A.1.11-P1; A.1.11-P2; A.1.12-P1; A.1.12-P2; A.2.1-P1; A.2.1-P2; A.2.2-P1; A.2.2-P2; A.2.3; A.2.4 A.2.5; A.3.1-P1; A.3.1-P2; A.3.2-P1; A.3.2-P2; A.3.3; A.3.4; A.3.5; A.3.6; A.3.7; A.3.8; A.3.9; A.4.1a,b,c; A.4.2a,b,c; A.4.3a; A.4.4b; A.4.5c; A.4.4a,b,c; A.4.5a,b,c; A.4.6a; A.4.6b; A.4.6c; A.4.7a,b,c; A.4.8a,b,c; A.4.9a; A.4.9b; A.4.9c; A.4.10,a,b,c; A.4.11a,b,c; A.4.12a; A.4.12b; A.4.12c; A.4.13÷A.4.20; A.11.1-P1; A.11.1-P2; A.11.2-P1; A.11.2-P2; A.11.3-P1; A.11.3-P2; A.11.4-P1; A.11.4-P2; A.11.5-P1; A.11.5-P2; A.11.6-P1; A.11.6-P2; A.11.7-P1; A.11.7-P2; A.11.8-P1; A.11.8-P2; A.11.9-P1; A.11.9-P2; A.11.10-P1; A.11.10-P2; A.11.11; A.11.12; A.11.15; A.11.16; A.11.20;	
3	Hệ thống camera và âm thanh khối CT1, CT2, CT3	DN.05-P2; DN.13-P1; DN.13-P2; DN.14-P1; DN.14-P2; DN.15-P1; DN.15-P2; DN.16-P1; DN.16-P2; DN.17-P1; DN.17-P2; DN.18-P1; DN.18-P2; DN.19-P1; DN.19-P2; DN.20-P1; DN.20-P2;	
4	Hệ thống camera và âm thanh khối CT4	DN.16÷DN.24;	
5	Bản vẽ báo cháy khối CT1, CT2, CT3	FA.101-P1; FA.101-P2; FA.102-P1; FA.102-P2; FA.103-P1; FA.103-P2; FA.104-P1; FA.104-P2; FA.105-P1; FA.105-P2; FA.106-P1; FA.106-P2; FA.107-P1; FA.107-P2; FA.108-P1; FA.108-P2; FA.109-P1; FA.109-P2; FA.110-P1; FA.110-P2; FA.111-P1; FA.111-P2; FA.201÷FA.203;	
6	Bản vẽ chữa cháy khối CT1, CT2, CT3	FP.001; FP.002; FF.101-P1; FF.101-P2; FF.102-P1; FF.102-P2; FF.103-P1; FF.103-P2; FF.104-P1; FF.104-P2; FF.105-P1; FF.105-P2; FF.106-P1; FF.106-P2; FF.107-P1; FF.107-P2; FF.108-P1;	



		FF.108-P2; FF.109-P1; FF.109-P2; FF.110-P1; FF.110-P2; FF.111-P1; FF.111-P2; FF.201÷FF.203; LĐ.301÷LĐ.305;	
7	Bản vẽ màn nước ngăn cháy khối CT1, CT2, CT3	FP.101-P1; FD.101-P2; FP.102-P1; FD.102-P2; FP.103-P1; FD.103-P2;	
8	Bản vẽ đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn khối CT1, CT2, CT3	EX.101-P1; EX.101-P2; EX.102-P1; EX.102-P2; EX.103-P1; EX.103-P2; EX.104-P1; EX.104-P2; EX.105-P1; EX.105-P2; EX.106-P1; EX.106-P2; EX.107-P1; EX.107-P2; EX.108-P1; EX.108-P2; EX.109-P1; EX.109-P2; EX.110-P1; EX.110-P2; EX.111-P1; EX.111-P2; EX.201÷EX.203;	
9	Bản vẽ chữa cháy khối CT4	FP.001÷FP.002; FF.101÷FF.113; LĐ.301÷LĐ.305	
10	Bản vẽ báo cháy khối CT4	FA.101÷FA.113;	
11	Bản vẽ đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn khối CT4	EX.101÷EX.113; EX.201;	
12	Bản vẽ màn nước ngăn cháy khối CT4	FD.101÷FD.103;	
13	Bản vẽ thông gió, tăng áp, hút khói khối CT1, CT2, CT3	ĐH-03÷ĐH-66;	
14	Bản vẽ thông gió, tăng áp, hút khói khối CT4	ĐH-02÷ĐH-47.	

